

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TÙNG THIÊN VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông
Năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	38	1.08 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	38	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn (Tin học (1), phòng lý (1), phòng hóa (1), phòng sinh (1) Phòng Tương tác (3), phòng giáo viên(1))	8	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	8	-
7	Bình quân lớp/phòng học		1.29
8	Bình quân học sinh/lớp		47
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m-2)	4882	-
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m[^])	2400	-
VI	Tổng diện tích các phòng	2700	-
1	Diện tích phòng học (m ²)	50	-
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	50	-
3	Diện tích thư viện (m ²)	120	-
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	00	-
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	45	-
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		

1.1	Khối lớp 6	5	
1.2	Khối lớp 7	5	
1.3	Khối lớp 8	5	
1.4	Khối lớp 9	5	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	0	
2.2	Khối lớp 7	0	
2.3	Khối lớp 8	0	
2.4	Khối lớp 9	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	01	24 m ²
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	62	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	15	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	02	
2	Cát xét	10	
3	Đầu Video/đầu đĩa	00	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	00	
5	Laptop	03	
6	Bảng tương tác	03	
	Nội dung	Số lượng (m[^])	
X	Nhà bếp	00	
XI	Nhà ăn	00	
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ Diện tích bình quân/chỗ
xii	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	00	00 00
xiii	Khu nội trú	00	00 00
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho	Dùng cho học sinh Số m²/học sinh
		giáo viên	
		Chung	Nam/Nữ Chung Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	8	00 16/16 00 0.01
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	00	00 00 00 00
	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt học vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	

XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 8, ngày 01 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Phó Trọng Huy